TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN CẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 46/2018/HNGĐ-ST Ngày 14-9-2018 V/v tranh chấp về ly hôn và nuôi con	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU – TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Văn Trưởng;
2. Bà Dương Xuân Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trang Hoàng Mỹ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Lưỡng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2018 về "tranh chấp về ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2018 và Quyết định Hoãn phiên tòa số: 25/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Trần Quốc S, sinh năm 1989. Địa chỉ cư trú: ấp T, xã , huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị Mai Thị Trúc L, sinh năm 1998. Địa chỉ cư trú: ấp T, xã L, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17-4-2018 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn anh Trần Quốc S trình bày:

Anh và chị Mai Thị Trúc L kết hôn vào năm 2016, đăng ký kết hôn cùng năm tại UBND xã L, huyện Bến Cầu. Quá trình sống chung vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, chị L không quan tâm đến gia đình, chồng, con. Vào khoảng tháng 7 năm 2017 anh và chị L gây gỗ với nhau, chị L bỏ nhà đi Malaysia một thời gian, đến khi trở về chị L không về nhà, đi đâu thì anh không biết. Anh và chị L đã ly thân từ tháng 7 năm 2017 cho đến nay. Xét thấy tình cảm không còn, không thể hàn gắn và thời gian ly thân đã lâu nên anh yêu cầu ly hôn

với chị L.

- Về con chung: Anh và chị L có một con chung tên Trần Gia H, sinh ngày 14-11-2016, hiện đang sống với anh. Khi ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh và chị L không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Anh cam kết vợ chồng không có nợ ai.

Bị đơn chị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không có lời khai. Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nhà chị L, tại văn phòng ấp T, Ủy Ban nhân dân xã L, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh và tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh hợp lệ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án; việc cấp tống đạt văn bản tố tụng và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ các Điều 56, 58, 71, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Sự đối với chị Ly.

Về con chung: Giao cháu Trần Gia H, sinh ngày 14-11-2016 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận anh Sự không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Trần Quốc S phải chịu tiền án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh S có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị L, chị L có địa chỉ cư trú tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu thụ lý và giải quyết là đúng theo qui định tại Điều 28, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết, anh Sự có đơn xin xét xử vắng mặt, chị L đã được Tòa án cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ nhưng chị L vắng mặt không có lý do, áp dụng khoản 1, 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh sự và chị L.

[2] Về hôn nhân: Anh S và chị L kết hôn vào năm 2016, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 47 ngày 28-9-2016 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa

nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống anh S và chị L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, chung sống không hạnh phúc, chị L không quan tâm chăm lo gia đình, chồng và con. Chị L đã tự ý bỏ đi Malaysia một thời gian, khi chị trở Việt Nam cũng không về sống chung với anh S và cháu H. Mâu thuẫn giữa anh S và chị L không thể hàn gắn và cũng không có biện pháp khắc phục. Do đó, thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa anh S và chị L đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của anh S đối với chị L là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh S và chị L có một con chung tên Trần Gia H, sinh ngày 14-11-2016. Xét thấy từ ngày ly thân đến nay anh S chăm sóc cháu H đảm bảo điều kiện về vật chất, tinh thần nên giao cháu H cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp, ghi nhận anh S không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh S trình bày không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Anh Trần Quốc S phải chịu án phí theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 BLTTDS.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 71, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trần Quốc S đối với chị Mai Thị Trúc L. Anh Sự được ly hôn với chị L.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Gia H, sinh ngày 14-11-2016 cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận anh S không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Chị L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh S không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Trần Quốc S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Sự đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0021390 ngày 17-4-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Chị Mai Thị Trúc L không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Anh Trần Quốc S có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Mai Thị Trúc L có quyền kháng lên Tòa án nhân

dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp pháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã Lợi Thuận (lưu);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hoài Tâm